

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 3)

NGHỆ AN, NĂM 2017



MỤC LỤC

CHƯƠNG I	4
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Định nghĩa	4
CHƯƠNG II	7
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	7
NGHIỆP VỤ KINH DOANH, MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CÔNG TY	9
Điều 3. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty	9
Điều 4. Mục tiêu hoạt động	9
Điều 5. Nguyên tắc hoạt động kinh doanh chứng khoán	9
Điều 6. Phạm vi hoạt động kinh doanh	10
Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của công ty.....	10
Điều 8. Các quy định hạn chế.....	12
Điều 9. Các quy định về kiểm soát nội bộ.....	12
Điều 10. Các quy định về quản trị công ty	13
Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin	13
Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp	14
CHƯƠNG IV.....	14
Điều 13. Vốn điều lệ.....	14
Điều 14. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ	14
Điều 15. Cổ đông của công ty	15
Điều 16. Hạn chế đối với quyền cổ đông sáng lập của công ty.....	16
Điều 17. Sổ đăng ký cổ đông.....	16
Điều 18. Quyền của cổ đông	17
Điều 19. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau:	17
Điều 20. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	18
Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông	18
Điều 22. Cổ phiếu, cổ phần, phát hành cổ phiếu.....	18
Điều 23. Trái phiếu và việc phát hành trái phiếu	19
Điều 24. Phát hành chứng khoán khác	20
Điều 25. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	20
Điều 26. Mua lại cổ phần	21
CHƯƠNG V.....	22
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY	22
Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý	22
Điều 28. Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 29. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 30. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 31. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 33. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 35. Hội đồng quản trị	30



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị	32
Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	33
CHƯƠNG VI.....	35
TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC TIÊU BAN GIÚP VIỆC, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ KIỂM SOÁT	35
Điều 39. Tổng giám đốc	35
Điều 40. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị	37
Điều 41. Thư ký Công ty.....	37
Điều 42. Ban kiểm soát	38
TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	41
VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	41
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	41
Điều 44. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan	41
Điều 45. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.....	42
Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	43
Điều 47. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty	44
Điều 48. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	44
Điều 49. Công khai tiền lương thưởng và lợi ích khác	44
Điều 50. Năm tài chính.....	45
Điều 51. Hệ thống kế toán.....	45
Điều 52. Kiểm toán.....	45
Điều 53. Chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	46
Điều 54. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận	46
Điều 55. Xử lý lỗ trong kinh doanh.....	46
Điều 56. Trích lập các Quỹ theo quy định.....	46
Điều 57. Tổ chức lại công ty	47
Điều 58. Chấm dứt hoạt động.....	47
Điều 59. Gia hạn hoạt động.....	47
Điều 60. Thanh lý.....	48
Điều 61. Phá sản.....	48
Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	49
Điều 63. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	49
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	50
Điều 65. Ngày hiệu lực.....	50



CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 19/UBCKNN do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 10 năm 2006

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt quyết định sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số:/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày/...../2017

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - “*Công ty*” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt
 - “*Địa bàn kinh doanh*” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài
 - “*Vốn điều lệ*” có nghĩa là số vốn do cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời gian nhất định và được ghi vào điều lệ Công ty
 - “*Luật Chứng khoán*” có nghĩa là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/12/2013
 - “*Luật Doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014
 - “*Điều khoản*” có nghĩa là một điều khoản trong điều lệ này
 - “*Ngày thành lập*” có nghĩa là ngày mà công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động
 - “*Ngõời quản lý công ty*” có nghĩa là Tổng giám đốc Công ty.
 - “*Những ngõời liên quan*” là các nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 34 điều 6 Luật Chứng khoán.



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- “*Việt Nam*” có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- “*UBCKNN*” được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- “*SGDCK*” được hiểu là Sở giao dịch chứng khoán
- “*VSD*” là trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- “*Nhà đầu tư*” là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán
- “*Cổ phiếu*” là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
- “*Trái phiếu*” là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành.
- “*Chứng chỉ quỹ*” là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp của quỹ đại chúng.
- “*Quyền mua cổ phần*” là loại chứng khoán do công ty cổ phần phát hành nhằm mang lại cho cổ đông hiện hữu quyền mua cổ phần mới theo điều kiện đã được xác định.
- “*Hợp đồng góp vốn đầu tư*” là hợp đồng góp vốn bằng tiền hoặc tài sản giữa các nhà đầu tư với tổ chức phát hành hợp đồng nhằm mục đích lợi nhuận và được phép chuyển đổi thành chứng khoán khác.
- “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.
- “*Nhà đầu tư*” là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán.
- “*Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp*” là ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- “*Chào bán chứng khoán ra công chúng*” là việc chào bán chứng khoán theo một trong các phương thức sau đây:
 - a) Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, kể cả Internet;
 - b) Chào bán chứng khoán cho từ một trăm nhà đầu tư trở lên, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

c) Chào bán cho một số lượng nhà đầu tư không xác định.

- “*Chào bán chứng khoán riêng lẻ*” là việc tổ chức chào bán chứng khoán cho dưới một trăm nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và không sử dụng phương tiện thông tin đại chúng hoặc Internet.
- “*Tổ chức phát hành*” là tổ chức thực hiện chào bán chứng khoán.
- “*Tổ chức bảo lãnh phát hành*” là công ty chứng khoán được phép hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán và ngân hàng thương mại được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bảo lãnh phát hành trái phiếu theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định.
- “*Tổ chức kiểm toán được chấp thuận*” là công ty kiểm toán độc lập thuộc danh mục các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định.
- “*Bản cáo bạch*” là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành.
- “*Niem yết chứng khoán*” là việc đưa các chứng khoán có đủ điều kiện vào giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- “*Thị trường giao dịch chứng khoán*” là địa điểm hoặc hình thức trao đổi thông tin để tập hợp lệnh mua, bán và giao dịch chứng khoán.
- “*Kinh doanh chứng khoán*” là việc thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- “*Môi giới chứng khoán*” là việc làm trung gian thực hiện mua, bán chứng khoán cho khách hàng.
- “*Tự doanh chứng khoán*” là việc công ty chứng khoán mua hoặc bán chứng khoán cho chính mình.
- “*Bảo lãnh phát hành chứng khoán*” là việc cam kết với tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành phân phối chứng khoán ra công chúng.



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- “*Tư vấn đầu tư chứng khoán*” là việc cung cấp cho nhà đầu tư kết quả phân tích, công bố báo cáo phân tích và khuyến nghị liên quan đến chứng khoán.
 - “*Lưu ký chứng khoán*” là việc nhận ký gửi, bảo quản, chuyển giao chứng khoán cho khách hàng, giúp khách hàng thực hiện các quyền liên quan đến sở hữu chứng khoán.
 - “*Đăng ký chứng khoán*” là việc ghi nhận quyền sở hữu và các quyền khác của người sở hữu chứng khoán.
 - “*Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán*” là việc quản lý theo ủy thác của từng nhà đầu tư trong việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán và các tài sản khác.
 - “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Công ty chứng khoán Việt thuộc hình thức Công ty Cổ phần được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Tên Công ty
 - Tên giao dịch chính thức: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt**
 - Tên tiếng Anh: **Viet Securities Joint Stock Company**
 - Tên rút gọn: **Công ty Chứng khoán Việt**



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Tên viết tắt: **VSC**

3. Biểu tượng của Công ty:

Biểu tượng của Công ty được thể hiện như sau:



4. Trụ sở đăng ký của Công ty :

- Địa chỉ: tầng 3, số 117 Quang Trung, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: 02383 837606
- Fax: 02383 588271
- E-mail: vsc.viet@gmail.com
- Website: <http://viseco.vn>

5. Người đại diện theo pháp luật

- Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, tại địa bàn hoạt động hoặc kinh doanh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 5959 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.



CHƯƠNG III

NGHIỆP VỤ KINH DOANH, MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 3. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác
 - Lưu ký chứng khoán.
2. Công ty có thể thay đổi, bổ sung một số nghiệp vụ kinh doanh kinh doanh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu của công ty
 - An toàn trong hoạt động kinh doanh và tài chính công ty
 - Lợi nhuận tối đa cho các cổ đông
 - Đóng góp, xây dựng phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam. Thực hiện đầy đủ chính sách pháp luật của Nhà nước.
 - Cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao
 - Tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ nhân viên.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động kinh doanh chứng khoán

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các pháp luật có liên quan khác;
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán;
6. Chỉ đưa ra các tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng, thông tin chính thống từ thị trường;
7. Cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
8. Thận trọng, không tạo ra các xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, công ty thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
9. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 6. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Công ty chỉ được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác trong nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và được Luật Chứng khoán cho phép. Trường hợp công ty cung cấp dịch vụ, sản phẩm mới phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của công ty

1. Quyền của công ty:
 - Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
 - Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
 - Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật;
 - Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của công ty



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
- Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của công ty chứng khoán.
- Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
- Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của công ty.
- Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó.
- Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính.
- Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong công ty.
- Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của công ty.
- Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính.
- Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.
- Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 104 của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.
- Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định hiện hành.
- Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.



Điều 8. Các quy định hạn chế

1. Quy định hạn chế đối với công ty
 - Không đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào các loại chứng khoán có thu nhập cố định;
 - Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - Không thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - Không cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán của công ty:
 - Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc;
 - Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - Không được đồng thời làm Tổng giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết, trừ trường hợp tổ chức này là công ty chứng khoán.
 - Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng uỷ thác bằng văn bản;
 - Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính công ty;
 - Tham gia các khoá tập huấn về văn bản pháp luật, hệ thống giao dịch, loại chứng khoán mới do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán tổ chức.

Điều 9. Các quy định về kiểm soát nội bộ

- Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố áp dụng trong nội bộ công ty.
- Mọi nhân viên của công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Định kỳ công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
- Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo các quy định về kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 10. Các quy định về quản trị công ty

1. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông, thành viên góp vốn để đảm bảo:
 - Cổ đông, thành viên góp vốn thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ công ty quy định;
 - Cổ đông, thành viên góp vốn được đối xử công bằng.
2. Công ty có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông
 - Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần;
 - Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị
 - Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý công ty;
 - Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc;
 - Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý;

Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin

1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Khách hàng của công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;
- Cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành phải được công bố rộng rãi trong công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của công ty, chi tiết hoá nội dung của bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này dưới hình thức văn bản và phải được phổ biến đến từng nhân viên.
2. Mọi nhân viên của công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.
3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên công ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 13. Vốn điều lệ

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 37.500.000.000 VND (Ba mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng)
2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/01 cổ phần.
3. Công ty phải luôn duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo qui định của Pháp luật. Trường hợp vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định, Công ty tiến hành bổ sung vốn điều lệ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 14. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của công ty phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có thể tăng vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành khi:
 - Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.
3. Vốn điều lệ của công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:
- Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ của doanh nghiệp theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp và các chủ nợ;
 - Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phần;
 - Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
 - Phát hành cổ phiếu mới để thực hiện sáp nhập một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào công ty.
 - Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.
4. Việc giảm vốn điều lệ công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 15. Cổ đông của công ty

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Thái Thị Nga	400.000	10,67%
Thái Hương	400.000	10,67%
Đặng Thái Nguyên	400.000	10,67%
Thái Doãn Sơn	400.000	10,67%
Trương Thị Kim Thư	400.000	10,67%
Hồ Thị Vinh	400.000	10,67%
Nguyễn Hà Nam	650.000	17,33%
Nguyễn Trọng Trung	320.000	8,53%
Thái Thi Lương	280.000	7,46%
Thái Doãn Lộc	100.000	2,66%
Tổng cộng	3.750.000	100%



Điều 16. Hạn chế đối với quyền cổ đông sáng lập của công ty

1. Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập khác trong công ty.
2. Cổ đông sáng lập không được trích lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 17. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên, cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với thành viên, cổ đông là pháp nhân;
 - Giá trị vốn góp tại thời điểm góp vốn và phần vốn góp của từng thành viên, thời điểm góp vốn; số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông do công ty quyết định có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính



Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
 - Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này;
 - Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;
 - Các quyền khác theo quy định pháp luật.

Điều 19. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau:

- Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định
- Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và có đủ các nội dung theo quy định của Luật doanh nghiệp;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- Các trường hợp khác do công ty quy định.

Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Góp đủ, đúng hạn số vốn, cổ phần đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.
2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần/phần vốn góp.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ công ty;
4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để thực hiện các hành vi sau:
 - Vi phạm pháp luật.
 - Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác để tư lợi hoặc không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác.
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 22. Cổ phiếu, cổ phần, phát hành cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp Sổ đăng ký cổ đông tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 của Điều này.



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi sổ đăng ký cổ đông ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi theo quy định pháp luật hiện hành.
4. Phát hành cổ phiếu:
 - Công ty được phát hành cổ phiếu và việc phát hành cổ phiếu theo quy định pháp luật hiện hành.
 - Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 23. Trái phiếu và việc phát hành trái phiếu

1. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị của công ty có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
4. Trường hợp không được quyền phát hành trái phiếu:
 - Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành;
- Tỷ lệ tổng nợ tính trên vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính quý gần nhất và tỷ lệ tổng nợ tính trên vốn chủ sở hữu dự kiến sau khi phát hành trái phiếu vượt quá hạn mức quy định.

Điều 24. Phát hành chứng khoán khác

Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 16.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
3. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
 - Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có tại công ty.
 - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
4. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có tại công ty thì thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.
5. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

- Đối với chuyển nhượng từ 10% trở lên vốn điều lệ, việc chuyển nhượng được thực hiện sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
- Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán. Công ty phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng. Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

Điều 26. Mua lại cổ phần

- Cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Hội đồng quản trị quyết định về việc tổ chức lại công ty của Đại hội đồng cổ đông hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều lệ công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
- Giá mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều này là giá thị trường (hoặc giá khác do Điều lệ công ty quy định).
- Đối với việc mua lại từ 10% trở lên vốn điều lệ, việc mua lại được thực hiện sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
- Quy định bổ sung đối với Công ty cổ phần: Công ty có quyền mua lại cổ phiếu của chính mình không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:
 - Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng.
 - Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Giá mua lại cổ phần phổ thông đã bán do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Đối với cổ phần loại khác, giá mua lại là giá thị trường (hoặc giá khác do Điều lệ công ty quy định).



CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Tổng giám đốc điều hành;
- Ban kiểm soát.

Điều 28. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (hoặc tỷ lệ khác Điều lệ công ty quy định);
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần (trừ cổ phần phổ thông) đã bán của mỗi loại;
 - Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Đại hội cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- Báo cáo tài chính hằng năm;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - Mức trích lập các quỹ mà pháp luật không quy định tỷ lệ;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
4. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 18 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị triệu tập họp có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
7. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
8. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 18 đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
9. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.
10. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 6, 7 và 8 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 29. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 28.29.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Việc thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 18 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 29 này trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 18



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
 - Các trường hợp khác.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
 7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 30. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 31. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông

2. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận
3. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - Mục đích lấy ý kiến;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
5. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trước khi kiểm phiếu đều không hợp lệ;
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 35. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 về mua lại cổ phần của công ty;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan quy định tại Điều 44 của Điều lệ này;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị
- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Là cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán;
 - Không là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác trong khi đang là thành viên Hội đồng quản trị của công ty.
 - Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ, thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
4. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn theo quy định của khoản 3 Điều này
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - Có đơn xin từ chức;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm;
- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (3) đến mười một (11) thành viên. Tổng số thành viên. Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định hiện hành.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, khi có một trong các trường hợp sau đề nghị bằng văn bản:

- Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
- Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- Đa số thành viên Ban kiểm soát.
- Các trường hợp khác do công ty quy định.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

CHƯƠNG VI

TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC TIỂU BAN GIÚP VIỆC, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ KIỂM SOÁT

Điều 39. Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc :
 - Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị
 - Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị
 - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
- Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện Tổng giám đốc

- Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật;
- Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán;
- Trình độ học vấn và kinh nghiệm làm việc: có bằng đại học hoặc trên đại học; có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất ba (03) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm;
- Không phải là người hành nghề đã bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán;
- Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác;
- Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên công ty chứng khoán khác.
- Chưa từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị phá sản, trừ trường hợp phá sản vì lý do bất khả kháng



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Chưa từng bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng hai (02) năm gần nhất.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 5 Điều này;
- Có đơn xin từ chức;
- Các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

Điều 40. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Đối với tiểu ban kiểm toán phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của công ty.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.
4. Trường hợp các công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị có quyền cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự.

Điều 41. Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
 - Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Làm biên bản các cuộc họp;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
2. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 42. Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có từ ba đến năm thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; riêng công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên bổ nhiệm một đến ba Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá ba năm.
2. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
3. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
 - Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
 - Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;
 - Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 18;
 - Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát
 - Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Không phải là người có liên quan của Hội đồng quản trị, của Tổng giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên và người quản lý khác;
- Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;
- Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
- Không giữ các chức vụ quản lý công ty.
- Các điều kiện và tiêu chuẩn khác phù hợp với quy định pháp luật.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều này;
- Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
- Có đơn xin từ chức;
- Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

6. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

7. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát

- Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
- Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

8. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát
 - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên.
 - Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Chủ tịch công ty/thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên.
 - Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
 - Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:
 - Hoạt động của Ban kiểm soát;
 - Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
 - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
 - Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, và các cán bộ quản lý;
 - Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông.
10. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.



CHƯƠNG VII

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các Thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
4. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Điều 44. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và người có liên quan của họ mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
2. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
 4. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
 5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VÀ QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH

Điều 45. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

Hội đồng quản trị xây dựng các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.
2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban giám đốc và Ban kiểm soát.
3. Các trường hợp Tổng giám đốc điều hành và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị
4. Báo cáo của Ban giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc.
6. Các vấn đề Ban giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.

Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 18 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty đại chúng có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG IX

THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 47. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc như sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng;
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng.

Điều 48. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Chủ sở hữu công ty/Hội đồng thành viên và Đại hội đồng cổ đông;
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.

Điều 49. Công khai tiền lương thưởng và lợi ích khác

Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.



CHƯƠNG X

NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày khai trương hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.
2. Trường hợp công ty mới đi vào hoạt động chưa đủ thời gian ba tháng cho đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Báo cáo tài chính của năm được tính sang năm kế tiếp.

Điều 51. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán để thực hiện kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận xác nhận. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

hội đồng cổ đông, được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 53. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cần thiết. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu báo cáo.
2. Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI

NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 54. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Điều 55. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 56. Trích lập các Quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% mức vốn Điều lệ;
 - Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.



CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 57. Tổ chức lại công ty

1. Công ty có quyền tổ chức lại công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu công ty sau được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.
3. Trình tự và thủ tục thực hiện chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Điều 58. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Công ty bị cấp có thẩm quyền thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định giải thể này phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.

Điều 59. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

3. Công ty được gia hạn sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 60. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của công ty tại thời điểm giải thể. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.
2. Thành viên của Ban thanh lý phải có tối thiểu một kiểm toán viên hoặc một chuyên gia của tổ chức định giá. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
3. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm thành lập và bắt đầu hoạt động, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính. Quá trình hoạt động của Ban thanh lý phải có sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - Các chi phí thanh lý;
 - Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - Các khoản vay (nếu có);
 - Các khoản nợ khác của Công ty;
 - Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ các mục trên đây sẽ được phân chia cho cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 61. Phá sản

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.



CHƯƠNG XIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- Cổ đông với Công ty; hoặc
- Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần (hoặc thời gian khác do công ty quy định) từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 63. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.



CHƯƠNG XIV

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XIV chương 65 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt nhất trí thông qua ngày 15 tháng 09 năm 2017 tại Văn phòng Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .
2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - b. 02 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty;
 - c. 01 bản lưu tại Văn phòng Hội đồng quản trị Công ty;
 - d. 01 bản lưu tại Văn phòng đại diện tại Hà Nội
 - Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
 - Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT